

Số: 63/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “Xin ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Anh NGUYỄN QUANG H - SN 1986

CCCD số 054086009097 cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

HKTT+nơi cư trú: số 09/21 phố N, phường T, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Chị NGUYỄN THỊ T - SN 1989

CCCD số 037189005826 cấp ngày 13/02/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

HKTT: Tổ dân phố C, xã Y, tỉnh Ninh Bình

Nơi cư trú: Phòng 746 Chung cư VP6 L, phường H, TP Hà Nội

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213; khoản 3 Điều 218 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình 2014

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị T**

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị T

- Về con chung: xác nhận anh H và chị T có 02 con chung là Nguyễn Quang M sinh ngày 26/12/2016 và Nguyễn Khánh L sinh ngày 07/12/2021. Anh chị thỏa thuận giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung) kể từ tháng 02/2026 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị T, anh H tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa không xét.

- Về án phí: anh Nguyễn Quang H tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm ban hành H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000066 ngày 05/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND KV3 - HN
- TAND và VKSND TP HN
- Các đương sự
- UBND phường 7, T T, tỉnh Phú Yên
(nay là UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk)
(ĐKKH số 73 ngày 29/10/2015)
- THA dân sự TP Hà Nội.
- Lưu HS vụ án

Đỗ Thị Mai Thu

